

Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 04a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND phường Hải Dương

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng HĐND và UBND phường Hải Dương

Mã đơn vị:

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Năm 2025

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyên) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyên	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyên	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm								
II	Tài sản giao mới				1.921.201.722				
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp				1.907.233.409				
1.1	Đất				1.753.040.544				
	Đất nhà văn hóa khu 1, Ngõ 10 Cầu Cón, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	74		1.457.280				
	Đất nhà văn hoá	m2	236		1.981.560				
	Đất nhà văn hoá	m2	162		2.106.000				
	Đất nhà văn hoá	m2	295		7.670.000				
	Đất nhà văn hoá	m2	575		16.450.720				
	Đất nhà văn hoá	m2	350		6.125.000				
	Đất nhà văn hoá	m2	3.541		63.738.000				
	Đất nhà văn hoá	m2	224		1.680.000				
	Đất nhà văn hóa khu 1, Khu 1 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	232		533.600				
	Đất nhà văn hóa khu 1, Số 111- Cầu Cón, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	210		2.651.040				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Đất nhà văn hóa khu 10 (khu 14 cũ), 12 Đoàn Nhữ Hài, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	91		2.451.600				
	Đất nhà văn hóa khu 2 phường Quang Trung, khu 2 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	69		1.509.200				
	Đất nhà văn hóa khu 2, Ngõ 53 Tam Giang, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	80		957.000				
	Đất nhà văn hóa khu 2, Số 12 - Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	63		1.896.000				
	Đất nhà văn hóa khu 3 - 30 Hàn Giang, 30 Hàn Giang, Phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	26		116.032				
	Đất nhà văn hóa khu 3 -27 Hàn Giang, Số 27 Hàn Giang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	76		721.052				
	Đất nhà văn hóa khu 3, Số 8C/2 Tam Giang, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	109		2.720.000				
	Đất nhà văn hóa khu 4 phường Quang Trung, Khu 4 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	60		438.000				
	Đất nhà văn hóa khu 4, Số 88 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	82		1.630.000				
	Đất nhà văn hóa khu 5 (Đất thu viện tỉnh Hải Dương), Số 12 Nguyễn Du, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	354		12.056.310				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Đất nhà văn hóa khu 5 (khu 10 cũ) Xóm Tiên Phong, Xóm Tiên Phong, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	50		290.160				
	Đất nhà văn hóa khu 5, Ngõ 12 Nguyễn Du, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	81		1.215.000				
	Đất nhà văn hóa khu 5, Số 21 Xuân Đài, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	65		3.446.580				
	Đất nhà văn hóa khu 6, Số 51 Phố Bắc Kinh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	153		9.920.880				
	Đất nhà văn hóa khu 9 (khu 13 cũ), Ngõ 144 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	127		908.050				
	Đất NVH khu 10 phường Quang Trung, Khu 10 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	220		5.280.000				
	Đất NVH khu 10_ phường Ngọc Châu	m2	150		4.500.000				
	Đất NVH khu 11 phường Quang Trung, Khu 11 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	186		12.276.000				
	Đất NVH khu 11_ phường Ngọc Châu	m2	415		9.960.000				
	Đất NVH khu 12_ phường Ngọc Châu	m2	289		8.670.000				
	Đất NVH khu 13_ phường Ngọc Châu	m2	185		4.440.000				
	Đất NVH khu 14_ phường Ngọc Châu	m2	450		10.800.000				
	Đất NVH khu 15_ phường Ngọc Châu	m2	200		4.800.000				
	Đất NVH khu 16_ phường Ngọc Châu	m2	220		5.280.000				
	Đất NVH khu 17_ phường Ngọc Châu	m2	100		3.000.000				
	Đất NVH khu 18_ phường Ngọc Châu	m2	71		2.130.000				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Đất NVH khu 19_ phường Ngọc Châu	m2	290		8.700.000				
	Đất NVH khu 20_ phường Ngọc Châu	m2	262		7.872.000				
	Đất NVH khu 3 phường Quang Trung, Khu 3 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	50		294.000				
	Đất NVH khu 5 Khu 5 phường Quang Trung, khu 5 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	60		300.000				
	Đất NVH khu 5_ phường Ngọc Châu	m2	151		9.513.000				
	Đất NVH khu 6 phường Quang Trung, Khu 6 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	134		1.028.160				
	Đất NVH khu 6_ phường Ngọc Châu	m2	272		6.528.000				
	Đất NVH khu 7 phường Quang Trung, Khu 7 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	87		536.300				
	Đất NVH khu 7_ phường Ngọc Châu	m2	219		6.570.000				
	Đất NVH khu 8 phường Quang Trung, Đất NVH khu 8 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	91		546.000				
	Đất NVH khu 8_ phường Ngọc Châu	m2	187		5.610.000				
	Đất NVH khu 9 phường Quang Trung, Khu 9 phường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	90		1.728.000				
	Đất NVH khu 9_ phường Ngọc Châu	m2	228		6.840.000				
	Đất trạm y tế phường, số 18 phố Nhà Thờ, phường Quang Trung	m2	1.000		14.860.800				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Đất Trụ sở ĐU- HĐND - UBND phường Ngọc Châu	m2	1.617		17.788.100				
	Đất trụ sở làm việc	m2	3.297		59.346.000				
	Đất trụ sở tại 106 Trần Hưng Đạo, phường Hải Dương	m2	12.973		1.169.317.100				
	Đất trụ sở UBND phường	m2	2.638		166.194.000				
	Đất trụ sở UBND phường (TTGDTX), Số 2A phố Canh Nông - Phường Quang Trung - TP Hải Dương, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	712		24.214.800				
	Đất trụ sở UBND phường, 66b - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	m2	582		29.449.220				
1.2	Nhà				120.138.191				
	Nhà văn hóa KDC số 11	m2	415		9.960.000				
	Nhà văn hóa KDC số 12	m2	289		3.468.000				
	Nhà văn hóa KDC số 5	m2	151		3.624.000				
	Nhà văn hóa KDC số 8	m2	187		2.244.000				
	Khu nhà tắm, vệ sinh cơ quan	m2	93		53.671				
	Nhà ăn 1 tầng	m2	270		837.851				
	Nhà bảo vệ UBND phường	m2	20		50.000				
	Nhà bếp đun gas 1 tầng	m2	151		288.668				
	Nhà để xe ĐT hình sự	m2	12		14.148				
	Nhà để xe ô tô 2 gian	m2	42		28.326				
	Nhà để xe ô tô 6 gian	m2	106		79.711				
	Nhà giao ban và truyền thống 3 tầng	m2	510		618.609				
	Nhà hội trường 3 tầng	m2	1.474		3.582.196				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Nhà hội trường UBND phường Ngọc Châu	m2	778		7.811.077				
	Nhà Hội trường UBND phường Trần Hưng Đạo	m2	428		1.560.000				
	Nhà khách 3 tầng	m2	1.012		2.051.560				
	Nhà làm việc 03 tầng trụ sở UBND phường	m2	1.080		4.339.496				
	Nhà làm việc 4 tầng	m2	1.840		723.118				
	Nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ	m2	520		4.213.919				
	Nhà làm việc Trạm y tế phường Quang Trung số 18 Nhà Thờ	m2	158		311.351				
	Nhà làm việc UBND phường (TTGDTX) - Canh Nông 2	m2	621		1.362.038				
	Nhà ở cán bộ Hậu cần 2 tầng	m2	650		2.562.632				
	Nhà ở cán bộ phòng Tham mưu 2 tầng	m2	620		2.376.139				
	Nhà ở chỉ huy phòng 2 tầng	m2	540		684.703				
	Nhà ở chiến sĩ 1 tầng	m2	190		589.599				
	Nhà ở và để xe ô tô 2 tầng	m2	280		976.101				
	Nhà ở và làm việc cơ quan Điều tra hình sự	m2	260		245.492				
	Nhà ở, làm việc chỉ huy 2 tầng (Nhà A 106 Trần Hưng Đạo)	m2	1.079		1.735.127				
	Nhà tắm nóng lạnh 2 tầng	m2	162		342.514				
	Nhà thể thao (bóng bàn) 1 tầng	m2	80		133.195				
	Nhà trạm y tế phường, số 18 Phố Nhà Thờ, nhà cấp III diện tích 700m ²	m2	700		311.351				
	Nhà trụ sở UBND phường Ngọc Châu	m2	1.617		886.132				
	Nhà trực ban nội vụ	m2	40		186.261				
	Nhà văn hóa khu 3 phường Quang Trung	m2	29		220.000				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Nhà văn hóa KDC số 10	m2	150		1.800.000				
	Nhà văn hóa KDC số 13	m2	185		4.440.000				
	Nhà văn hóa KDC số 14	m2	450		10.800.000				
	Nhà văn hóa KDC số 15	m2	200		4.800.000				
	Nhà văn hóa KDC số 16	m2	220		5.280.000				
	Nhà văn hóa KDC số 17	m2	100		1.200.000				
	Nhà văn hóa KDC số 18	m2	71		852.000				
	Nhà văn hóa KDC số 19	m2	290		3.480.000				
	Nhà văn hóa KDC số 20	m2	262		3.148.800				
	Nhà văn hóa KDC số 6	m2	272		6.528.000				
	Nhà văn hóa KDC số 7	m2	219		2.628.000				
	Nhà văn hóa KDC số 9	m2	228		2.736.000				
	Nhà văn hoá khu 01	m2	60		143.000				
	Nhà văn hoá khu 02	m2	124		346.000				
	Nhà văn hoá khu 03	m2	150		423.000				
	Nhà văn hoá khu 04	m2	161		519.000				
	Nhà văn hoá khu 05	m2	120		345.000				
	Nhà văn hóa khu 1	m2	68		425.000				
	Nhà văn hóa khu 1	m2	74		415.019				
	Nhà văn hóa khu 1 phường Quang Trung	m2	34		370.000				
	Nhà văn hóa khu 10 (khu 14 cũ) - 12 Đoàn Nhữ Hải	m2	66		360.000				
	Nhà văn hóa khu 2	m2	63		120.000				
	Nhà văn hóa khu 2	m2	80		250.000				
	Nhà văn hóa khu 2 phường Quang Trung	m2	69		1.075.083				
	Nhà văn hóa khu 3	m2	109		300.000				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Nhà văn hóa khu 3 - 27 Hàn Giang	m2	31		360.000				
	Nhà văn hóa khu 3 - 30 Hàn Giang	m2	26		40.000				
	Nhà văn hóa khu 4	m2	82		150.000				
	Nhà văn hóa khu 4 phường Quang Trung	m2	60		943.874				
	Nhà văn hóa khu 5	m2	65		153.000				
	Nhà văn hóa khu 5	m2	81		110.000				
	Nhà văn hóa khu 5 (khu 10 cũ) - Xóm Tiền Phong	m2	40		320.000				
	Nhà văn hóa khu 5 phường Quang Trung	m2	55		951.323				
	Nhà văn hóa khu 6	m2	121		707.441				
	Nhà văn hoá khu 6 (khu 21 cũ)	m2	119		1.300.000				
	Nhà văn hóa khu 6 phường Quang Trung	m2	86		470.000				
	Nhà văn hóa khu 7 phường Quang Trung	m2	87		850.000				
	Nhà văn hóa khu 8 phường Quang Trung	m2	91		717.665				
	Nhà văn hóa khu 9 (khu 13 cũ) - Ngõ 144 Quang Trung	m2	100		330.000				
	Nhà văn hóa khu 9 phường Quang Trung	m2	90		550.000				
	Nhà VH khu 11 phường Quang Trung	m2	60		580.000				
	NVH khu 10 phường Quang Trung	m2	40		350.000				
1.3	<i>Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác</i>				34.054.674				
	Chợ an ninh, phường Quang Trung, TP Hải Dương	Cái	1		29.279.100				
	Đài tưởng niệm Liệt Sĩ	Cái	1		1.290.128				
	Lán để xe máy phường Hải Dương	Cái	1		74.793				
	Lán để xe máy phòng tham mưu phường Hải Dương	Cái	1		14.521				
	Lán để xe phường Hải Dương	Cái	1		11.527				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Bàn bóng bàn	Cái	1		15.000				
	Bàn bóng bàn	Cái	1		10.000				
	Bàn ghế tiếp khách - LD Văn phòng	Cái	1		13.000				
	Bàn ghế tiếp khách - LD Văn phòng	Cái	1		13.000				
	Bàn ghế tiếp khách - VHXH	Cái	1		13.000				
	Bàn ghế tiếp khách -KTHT&ĐT	Cái	1		13.000				
	Bàn ghế tiếp khách đồng ky	Cái	1		22.550				
	Bàn họp hội trường Hòa Phát	Cái	1		17.150				
	Bàn họp phòng hội trường	Cái	1		87.908				
	Bàn làm việc	Cái	1		31.020				
	Bàn phòng họp tầng 2	Cái	1		85.260				
	Bàn phòng họp tầng 3	Cái	1		88.000				
	Bàn quầy bộ phận một cửa	Cái	1		14.000				
	Bàn quầy phòng họp	Cái	1		78.000				
	Bàn quầy phòng họp không kính	Cái	1		16.000				
	Biển LED điện tử bộ phận 1 cửa	Cái	1		25.500				
	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1		14.000				
	Bộ bàn ghế tiếp khách	Cái	1		14.000				
	Bộ bàn ghế tiếp khách (sopha...) - CT UBND Vân	Cái	1		13.000				
	Bộ khung sân khấu NVH K2	Cái	1		48.967				
	Bộ màn hình LED hội trường + Laptop	Cái	1		358.963				
	Bộ máy tính	Cái	1		10.500				
	Bộ máy tính	Cái	1		10.500				
	Bộ máy tính	Cái	1		10.000				
	Bộ Máy tính	Cái	1		12.000				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Bộ Máy tính	Cái	1		12.000				
	Bộ máy tính	Cái	1		14.650				
	Bộ máy tính (SAMSUNG)	Cái	1		10.500				
	Bộ máy tính (màn hình ASUS)	Cái	1		10.500				
	Bộ máy tính (SAMSUNG)	Cái	1		10.700				
	Bộ máy tính acer	Cái	1		10.500				
	Bộ máy tính ASLS	Cái	1		11.792				
	Bộ máy tính HP	Cái	1		10.500				
	Bộ máy tính HP	Cái	1		10.000				
	Bộ máy tính Sam Sung	Cái	1		14.650				
	Bộ máy tính Sam Sung	Cái	1		14.650				
	Bộ máy tính Sam Sung	Cái	1		14.650				
	Bộ máy tính Sam Sung	Cái	1		11.792				
	Bộ máy tính Thánh Gióng	Cái	1		13.000				
	Bộ máy tính VSP	Cái	1		11.792				
	Bộ Máy tính Xigmatek	Cái	1		12.000				
	Bộ máy vi tính	Cái	1		11.792				
	Bộ máy vi tính	Cái	1		14.650				
	Bộ máy vi tính	Cái	1		12.000				
	Bộ máy vi tính	Cái	1		12.900				
	Bộ máy vi tính	Cái	1		11.792				
	Bộ máy vi tính FPT Elead	Cái	1		12.980				
	Bộ thiết bị âm thanh cho NVH K6	Cái	1		47.389				
	Bộ thu FM chuyên dụng	Cái	1		24.497				
	Bục phát biểu	Cái	1		12.700				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Cây máy tính ASUS	Cái	1		10.000				
	Cây máy tính orient	Cái	1		10.500				
	Cây máy tính orient	Cái	1		10.500				
	Cây máy tính orient	Cái	1		10.500				
	Cây máy tính orient	Cái	1		10.500				
	Cục đẩy loa âm ly PEVEY CS 4000	Cái	1		10.230				
	Đẩy công suất	Cái	1		34.540				
	Điều hòa 9.000BTU	Cái	1		10.698				
	Điều Hòa Cây	Cái	1		20.000				
	Điều Hòa Cây	Cái	1		20.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa cây Daikin đứng phòng họp UBNDTP	Cái	1		40.000				
	Điều hòa Funiki HSC24	Cái	1		16.500				
	Điều hòa Funiki HSC24	Cái	1		16.500				
	Điều hòa Funiki HSC24	Cái	1		16.500				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Điều hòa Funiki HSC24	Cái	1		16.500				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa hội trường	Cái	1		19.698				
	Điều hòa Naga kawa	Cái	1		18.579				
	Điều hòa Panasonic	Cái	1		26.780				
	Điều hòa phòng họp tầng 3	Cái	1		13.198				
	Điều hòa phòng họp tầng 3	Cái	1		13.198				
	Điều hòa phòng họp tầng 3	Cái	1		13.198				
	Điều hòa phòng họp tầng 3	Cái	1		13.198				
	Điều hòa phòng họp tầng 3	Cái	1		13.198				
	Điều hòa phòng họp tầng 3	Cái	1		13.198				
	Điều hòa phòng một cửa	Cái	1		13.198				
	Điều hòa phòng một cửa	Cái	1		13.198				
	Dụng cụ cụm đạp xe, xoay eo, đi bộ	Cái	1		21.978				
	Dụng cụ cụm đạp xe, xoay eo, đi bộ	Cái	1		21.978				
	Dụng cụ Lung bụng đôi	Cái	1		11.704				
	Dụng cụ Lung bụng đôi	Cái	1		11.704				
	Dụng cụ Lung bụng đôi	Cái	1		11.704				
	Dụng cụ Lung bụng đôi	Cái	1		11.704				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Dụng cụ thể thao: Tay vai đơn - Tô dân phố	Cái	1		17.914				
	Ghế hội trường	Cái	1		126.170				
	Ghế hội trường	Cái	1		11.470				
	Ghế phòng hội trường	Cái	1		22.900				
	Ghế phòng hội trường	Cái	1		11.450				
	Hệ thống âm thanh hội trường trụ sở	Cái	1		187.620				
	Hệ thống âm thanh loa máy NVH K2	Cái	1		51.546				
	Hệ thống âm thanh NVH K1	Cái	1		47.428				
	Hệ thống âm thanh NVH K3	Cái	1		47.349				
	Hệ thống âm thanh NVH K4	Cái	1		47.349				
	Hệ thống âm thanh NVH K5	Cái	1		47.290				
	Hệ thống camera giám sát	Cái	1		45.655				
	Hệ thống cửa và xích cửa 365	Cái	1		19.500				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		117.491				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		119.801				
	Hệ thống loa phát thanh	Cái	1		41.580				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		105.985				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		101.519				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		170.555				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		96.745				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		83.094				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		84.800				
	Hệ thống loa truyền thanh	Cái	1		104.269				
	Hệ thống Loa truyền thanh của phường	Cái	1		499.400				
	Hệ thống loa và biến áp loa	Cái	1		44.745				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Hệ thống màn hình LED	Cái	1		52.082				
	Hệ thống phát thanh trang bị cho đài truyền thanh của các KDC	Cái	1		900.515				
	Hệ thống truyền thanh KDC số 3	Cái	1		115.676				
	Hệ thống Tủ gỗ tài liệu loại 3 (2 tủ + 1 kệ)	Cái	1		68.064				
	Khung thép cho màn hình Led	Cái	1		99.000				
	Khung thép cho màn hình Led	Cái	1		99.000				
	Laptop	Cái	1		15.000				
	Loa di động	Cái	1		10.890				
	Loa di động	Cái	1		10.890				
	Loa di động	Cái	1		10.890				
	Loa di động	Cái	1		10.890				
	Loa di động	Cái	1		10.890				
	Loa di động	Cái	1		10.890				
	Loa di động	Cái	1		10.890				
	Loa sân khấu JBL (nhỏ)	Cái	1		36.300				
	Loa sân khấu JBL (nhỏ)	Cái	1		36.300				
	Loa sân khấu JBL (to)	Cái	1		48.400				
	Loa sân khấu JBL (to)	Cái	1		48.400				
	Loa thùng cỡ to JBL	Cái	1		17.200				
	Loa thùng cỡ to JBL	Cái	1		17.200				
	Màn hình Led	Cái	1		1.048.800				
	Màn hình LED	Cái	1		139.513				
	Màn hình LED lắp đặt tại NVH khu 11	Cái	1		95.553				
	Màn hình LED lắp đặt tại NVH khu 7	Cái	1		95.553				
	Màn hình LED lắp đặt tại NVH khu 9	Cái	1		96.566				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyên) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyên	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyên	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Màn hình máy tính acer	Cái	1		10.000				
	Màn hình máy tính acer	Cái	1		10.000				
	Màn hình máy tính acer	Cái	1		10.000				
	Màn hình máy tính acer	Cái	1		10.000				
	Màn hình máy tính acer	Cái	1		10.000				
	Màn hình máy tính acer	Cái	1		10.000				
	Màn hình máy tính acer	Cái	1		10.000				
	Màn led	Cái	1		10.000				
	Màn led	Cái	1		10.000				
	Màn LED hội trường	Cái	1		194.348				
	Màn LED phòng họp tầng 3	Cái	1		194.348				
	Màn TV	Cái	1		15.000				
	Máy Chèo thuyền (NVH khu 1)	Cái	1		18.720				
	Máy chiếu	Cái	1		26.349				
	Máy Đá mũi 3 hướng (NVH khu 2)	Cái	1		29.190				
	Máy Đạp chân (NVH khu 2)	Cái	1		16.740				
	Máy Đạp ngựa (NVH khu 1)	Cái	1		15.410				
	Máy Đạp xe (NVH khu 2)	Cái	1		15.170				
	Máy Dắt tay (NVH khu 2)	Cái	1		45.940				
	Máy Đẩy tay (NVH khu 9)	Cái	1		45.940				
	Máy Đi bộ lắc tay (NVH khu 1)	Cái	1		19.140				
	Máy Đi bộ lắc tay (NVH khu 2)	Cái	1		19.140				
	Máy Đi bộ trên không (NVH khu 1)	Cái	1		15.480				
	Máy Đi bộ trên không (NVH khu 10)	Cái	1		15.480				
	Máy Đi bộ trên không (NVH khu 9)	Cái	1		15.480				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyên) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyên	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyên	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Máy Đi bộ trên không (NVH khu 5+6)	Cái	1		15.480				
	Máy điều hoà	Cái	1		12.600				
	Máy điều hòa (năm 2010) Funiki	Cái	1		16.031				
	Máy điều hòa (năm 2010) Funiki	Cái	1		16.031				
	Máy điều hòa (năm 2010) Funiki	Cái	1		16.031				
	Máy điều hòa (năm 2010) Funiki	Cái	1		16.031				
	Máy điều hòa (năm 2010) Funiki	Cái	1		16.031				
	Máy điều hòa (năm 2010) Funiki	Cái	1		16.031				
	Máy điều Hòa 1 chiều 18.000 BTU âm tường	Cái	1		24.750				
	Máy điều Hòa 1 chiều 18.000 BTU âm tường	Cái	1		24.750				
	Máy điều hoà Nationna 2 cục	Cái	1		13.914				
	Máy điều hoà NaTionna 2 cục	Cái	1		12.300				
	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1		11.300				
	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1		11.300				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki	Cái	1		10.340				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki	Cái	1		10.340				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki	Cái	1		10.340				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki 18.000 BTU	Cái	1		10.340				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki 18.000 BTU	Cái	1		10.340				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki 18.000 BTU	Cái	1		10.340				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki 18.000 BTU	Cái	1		10.340				
	Máy điều hòa nhiệt độ Funiki 18000 BTU	Cái	1		10.340				
	Máy huỷ giấy	Cái	1		12.800				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Máy scan brother	Cái	1		18.000				
	Máy scan fi-8150u	Cái	1		21.390				
	Máy Scan Fujtu 8150U	Cái	1		18.200				
	Máy scan HP 2000	Cái	1		12.037				
	Máy tăng âm truyền thanh -TA500 cho khu 6	Cái	1		24.420				
	Máy tăng âm truyền thanh -TA500 cho khu 9	Cái	1		24.420				
	Máy tập đá đùi 3 hướng tại K4	Cái	1		29.190				
	Máy tập đạp chân	Cái	1		16.740				
	Máy tập đạp ngựa	Cái	1		15.410				
	Máy tập đạp xe K3	Cái	1		15.170				
	Máy tập đi bộ trên không	Cái	1		15.480				
	Máy tập Đi bộ trên không	Cái	1		15.480				
	Máy tập đi bộ trên không K3	Cái	1		15.450				
	Máy tập kéo tay K3	Cái	1		38.962				
	Máy tập lắc hông K3	Cái	1		19.290				
	Máy tập lưng bụng K1	Cái	1		15.030				
	Máy tập tay vai đôi K3	Cái	1		17.250				
	Máy tập tay vai đơn	Cái	1		14.600				
	Máy tập tay vai đơn K 3	Cái	1		14.600				
	Máy tập tay vai đơn K1	Cái	1		14.600				
	Máy tập toàn thân	Cái	1		12.900				
	Máy tập toàn thân K1	Cái	1		12.900				
	Máy tập trượt tuyết K1	Cái	1		19.060				
	Máy tập trượt tuyết K4	Cái	1		19.060				
	Máy tập trượt tuyết K4	Cái	1		19.060				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Máy tập xà đơn 3 hướng	Cái	1		14.330				
	Máy tập xà đơn 3 hướng	Cái	1		14.330				
	Máy tập xà kép K1	Cái	1		11.680				
	Máy tập xà kép K3	Cái	1		13.297				
	Máy tập xoay eo	Cái	1		21.240				
	Máy tập xoay eo K3	Cái	1		21.240				
	Máy Tay vai đôi (NVH khu 1)	Cái	1		17.250				
	Máy Tay vai đôi (NVH khu 2)	Cái	1		17.250				
	Máy Tay vai đôi (NVH khu 9)	Cái	1		17.250				
	Máy Tay vai đơn (NVH khu 1)	Cái	1		14.600				
	Máy Tay vai đơn (NVH khu 10)	Cái	1		14.600				
	Máy Tay vai đơn (NVH khu 2)	Cái	1		14.600				
	Máy Tay vai đơn (NVH khu 5+6)	Cái	1		14.600				
	Máy thu âm chương trình phát thanh	Cái	1		14.740				
	Máy tính	Cái	1		10.000				
	Máy tính	Cái	1		15.000				
	Máy tính	Cái	1		15.000				
	Máy tính	Cái	1		11.000				
	Máy tính	Cái	1		11.000				
	Máy tính	Cái	1		11.000				
	Máy tính	Cái	1		11.000				
	Máy tính (Thánh Gióng)	Cái	1		14.000				
	Máy tính để bàn	Cái	1		18.519				
	Máy tính để bàn đồng bộ HP	Cái	1		20.000				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Máy tính để bàn đồng bộ HP	Cái	1		20.000				
	Máy tính để bàn đồng bộ HP	Cái	1		20.000				
	Máy tính để bàn đồng bộ HP	Cái	1		20.000				
	Máy tính để bàn đồng bộ HP	Cái	1		20.000				
	Máy tính để bàn đồng bộ HP	Cái	1		20.000				
	Máy tính để bàn đồng bộ HP	Cái	1		20.000				
	Máy tính PH PRBOOK 4530S	Cái	1		15.000				
	Máy tính xách tay ASUS	Cái	1		12.870				
	Máy tính xách tay Dell I5	Cái	1		20.000				
	Máy tính xách tay Dell I5	Cái	1		20.000				
	Máy tính xách tay Dell I5	Cái	1		20.000				
	Máy tính xách tay Dell I5	Cái	1		20.000				
	Máy tính xách tay Dell I5	Cái	1		20.000				
	Máy Toàn thân (NVH khu 2)	Cái	1		12.900				
	Máy Trượt tuyết (NVH khu 1)	Cái	1		19.060				
	Máy Trượt tuyết (NVH khu 10)	Cái	1		19.060				
	Máy vi tính	Cái	1		10.098				
	Máy vi tính	Cái	1		19.800				
	Máy vi tính	Cái	1		11.000				
	Máy vi tính	Cái	1		10.098				
	Máy vi tính	Cái	1		15.000				
	Máy vi tính	Cái	1		13.000				
	Máy vi tính	Cái	1		12.500				
	Máy vi tính	Cái	1		15.000				
	Máy vi tính	Cái	1		12.733				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính (1 cửa)	Cái	1		33.261				
	Máy vi tính để bàn	Cái	1		11.205				
	Máy vi tính để bàn	Cái	1		10.000				
	Máy vi tính để bàn	Cái	1		11.540				
	Máy vi tính để bàn	Cái	1		10.450				
	Máy vi tính để bàn	Cái	1		12.100				
	Máy vi tính để bàn ASUS VP.QTM	Cái	1		12.735				
	Máy vi tính để bàn đồng bộ VTB	Cái	1		11.770				
	Máy vi tính để bàn đồng bộ VTB	Cái	1		11.770				
	Máy vi tính để bàn đồng bộ VTB	Cái	1		11.770				
	Máy vi tính để bàn Samsung	Cái	1		11.000				
	Máy vi tính ĐNA TC.TB	Cái	1		16.170				
	Máy vi tính đồng bộ VTB	Cái	1		11.770				
	Máy vi tính VTB	Cái	1		12.200				

10/11
K
N
10
11/1

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Máy Xà đơn 3 hướng (NVH khu 5+6)	Cái	1		14.330				
	Máy Xà kép (NVH khu 10)	Cái	1		11.685				
	Máy Xà kép (NVH khu 2)	Cái	1		11.685				
	Máy Xà kép (NVH khu 9)	Cái	1		11.685				
	Máy Xà kép (NVH khu 5+6)	Cái	1		11.685				
	Máy Xoay eo (NVH khu 2)	Cái	1		21.240				
	Máy Xoay eo (NVH khu 9)	Cái	1		21.240				
	Thiết bị âm thanh loa đài(Hội trường A) gồm:	Cái	1		389.794				
	Thiết bị lắp đặt màn hình Led và kết nối các Module	Cái	1		12.100				
	Thiết bị lắp đặt màn hình Led và kết nối các Module	Cái	1		12.100				
	Thiết bị ngoại vi	Cái	1		28.930				
	Thiết bị ngoại vi	Cái	1		28.930				
	Thiết bị truyền thanh lắp đặt tại NVH khu 6	Cái	1		49.280				
	Thiết bị truyền thanh lắp đặt tại NVH khu 9	Cái	1		100.628				
	Thiết bị truyền thanh lắp đặt tại trụ sở UBND	Cái	1		106.942				
	Thiết bị xử lý hình ảnh màn hình Led Video Processor	Cái	1		22.026				
	Ti vi bộ phận một cửa	Cái	1		13.420				
	Ti vi hội trường UBND	Cái	1		13.420				
	Ti vi nhà văn hóa khu 3	Cái	1		13.420				
	Tivi	Cái	1		18.590				
	Tivi	Cái	1		25.000				
	Tivi LED 55 Ich	Cái	1		28.900				

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi c
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
IV	Tài sản nhận điều chuyển								
	Tổng cộng				1.921.201.722				

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Phương

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)




CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN ĐÌNH HỒNG